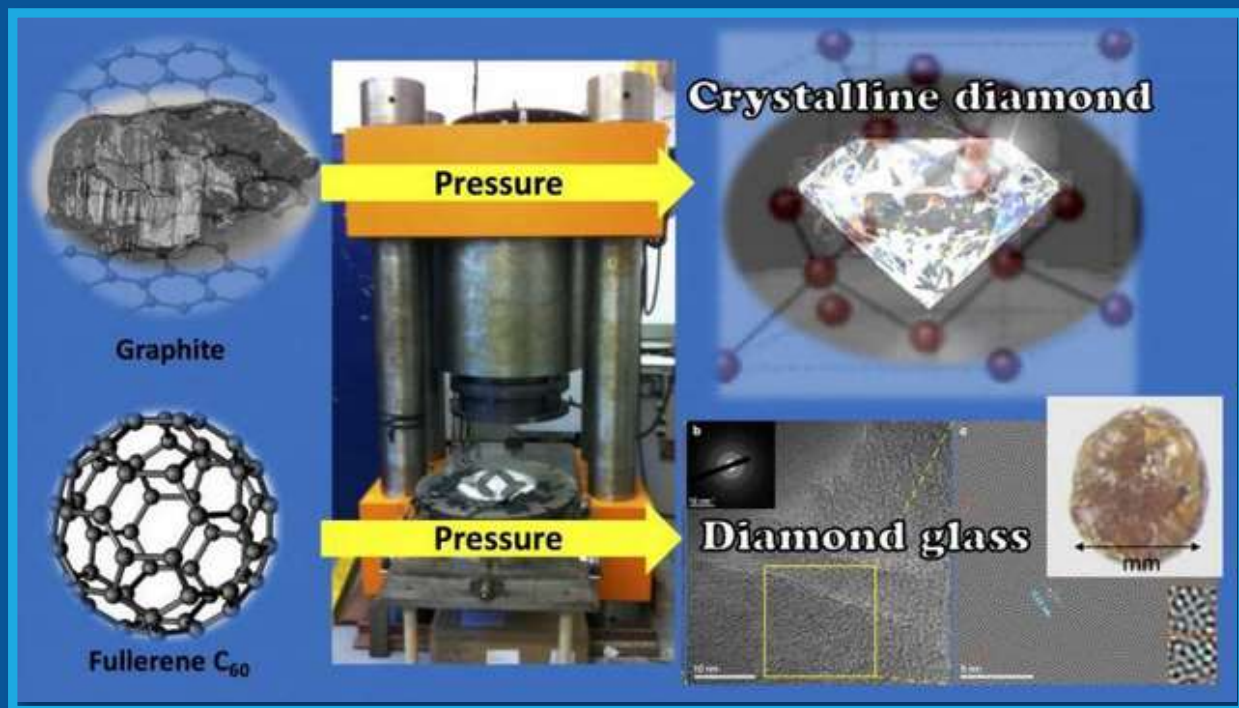


BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 19/2021



Chế tạo thành công **VẬT LIỆU THỦY TINH KIM CƯƠNG**
có tiềm năng lớn trong sản xuất đồ điện tử

► **tr.23**

CNHT DỆT MAY



CNHT ĐIỆN TỬ



CNHT Ô TÔ



BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 19/2021

Mục lục

Tòa soạn:

Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin liên hệ:

Biên tập: (024) 37150530

Marketing: (024) 37150530

Fax: (024) 37150489

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bích Thủy

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Bích Thủy

Giấy phép xuất bản số:

29/GP-XBBT ngày 20/4/2021

Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

2 kỳ/tháng

Khổ **19cmx27cm**

Chế bản tại:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

THÔNG TIN NỔI BẬT

Trong nước

Thế giới

SẢN XUẤT

Chiến lược phát triển ngành dệt may giai đoạn 2021-2030

Những bước tiến của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Tăng sức cạnh tranh cho ô tô sản xuất trong nước

XUẤT - NHẬP KHẨU

Tháng 11/2021, xuất nhập khẩu các sản phẩm CNHT
ngành dệt may tăng nhẹ

Xây dựng ngành điện tử mục tiêu trở thành ngành công nghiệp
chủ lực, cung ứng cho thị trường nội địa và tham gia xuất khẩu

Tháng 11/2021, nhập khẩu linh kiện ô tô trong nước giảm nhẹ

CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

TP. Đà Nẵng triển khai Đề án "Phát triển công nghiệp
sinh học ngành Công Thương đến năm 2030"

Vĩnh Phúc tăng cường thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT sản xuất ô tô

CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI

Hệ thống truy xuất nguồn gốc CertainT® giúp đảm bảo
chuỗi cung ứng Polyester tái chế

Chế tạo thành công vật liệu thủy tinh kim cương
có tiềm năng lớn trong sản xuất đồ điện tử

Phương pháp mới tái sử dụng hiệu quả pin ô tô điện

TIN THẾ GIỚI

Tình trạng thiếu chip sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đến sản xuất
điện thoại của Samsung cho đến năm 2022

Sự thiếu hụt chất bán dẫn ô tô dự kiến sẽ tiếp tục cho đến năm 2023

Samsung đầu tư nhà máy chip 17 tỷ USD tại Texas (Mỹ)

GIAO THƯƠNG

THÔNG TIN THAM KHẢO

Trong nước

- Chiến lược phát triển ngành dệt may giai đoạn 2021- 2030
- Những bước tiến của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam
- Tăng sức cạnh tranh cho ô tô sản xuất trong nước
- Tháng 11/2021, xuất nhập khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may tăng nhẹ
- Xây dựng ngành điện tử mục tiêu trở thành ngành công nghiệp chủ lực, cung ứng cho thị trường nội địa và tham gia xuất khẩu
- Tháng 11/2021, nhập khẩu linh kiện ô tô trong nước giảm nhẹ
- TP. Đà Nẵng triển khai Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030”
- Vĩnh Phúc tăng cường thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT sản xuất ô tô

Thế giới

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc CertainT® giúp đảm bảo chuỗi cung ứng Polyester tái chế
- Chế tạo thành công vật liệu thủy tinh kim cương có tiềm năng lớn trong sản xuất đồ điện tử
- Phương pháp mới tái sử dụng hiệu quả pin ô tô điện
- Tình trạng thiếu chip sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đến sản xuất điện thoại của Samsung cho đến năm 2022
- Sự thiếu hụt chất bán dẫn ô tô dự kiến sẽ tiếp tục cho đến năm 2023
- Samsung đầu tư nhà máy chip 17 tỷ USD tại Texas (Mỹ) ▣

Chiến lược phát triển ngành dệt may giai đoạn 2021-2030

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, tuy nhiên, các doanh nghiệp (DN) dệt may đã vượt lên khó khăn, duy trì đà tăng trưởng tốt trong năm 2021, ước đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020. Con số này còn cao hơn năm 2019 khi chưa có dịch COVID-19 (tăng 0,3% so với năm 2019).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 11/2021 tăng 3,8% so với tháng 10/2021 và tăng 11,2% so với tháng 11/2020. Lũy kế 11 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 8,3% so với 11 tháng năm 2020.

Đối với sản xuất sợi: Sản lượng sản xuất các mặt hàng sợi 11 tháng năm 2021 đều tăng trưởng nhưng ở mức không cao. Trong đó, sợi tơ (filament) tổng hợp đạt sản lượng cao nhất hơn 1,39 triệu tấn, tăng 0,96% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là sợi xe từ các loại sợi tự nhiên đạt gần 896,8 nghìn tấn, tăng 8,54%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% đạt 186,8 nghìn tấn, tăng 7,85%.

Đối với sản xuất vải: Trong 11 tháng năm 2021, vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo có sản lượng đạt cao nhất 553,29 triệu m², đây cũng là sản phẩm vải duy nhất có sản lượng giảm so với cùng kỳ năm 2020 (giảm 10,14%). Các sản phẩm khác có sản lượng tăng là vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên đạt hơn 436 triệu m², tăng 4,51%; vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt gần 299,3 triệu m², tăng khá (16,79%); vải dệt thoi khác từ sợi bông đạt 97,87 triệu m², tăng 4,51% (Bảng 1).

Năm 2021 là năm cực kỳ khó khăn của ngành dệt may Việt Nam. Tiền đề tăng trưởng âm 9,8% của năm 2020 khiến dệt may bước vào năm 2021 với nhiều nỗi lo.

Nếu như quý I/2021, DN trong ngành dệt may phần khởi bởi ngay từ đầu năm đã ký được hợp đồng đến hết quý III, thậm chí hết năm thì sang quý II/2021, dịch bùng phát ở khu vực phía Bắc và ở TPHCM, lan rộng ra các tỉnh khu vực phía

Nam khiến sản xuất của các DN dệt may gần như đóng băng.

Xuất khẩu dệt may tháng 7, 8, 9 liên tục giảm, đơn hàng không thể trả cho đối tác. Tình hình này chỉ chấm dứt khi sang tháng 10, sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 thì sản xuất của DN mới bắt đầu hồi phục, đã có thể trả nợ các đơn hàng.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), việc sản xuất của DN được khôi phục vào cuối năm 2021 đã giúp ngành dệt may đạt kim ngạch xuất khẩu 39 tỷ USD, tương đương với năm 2019. Trong đó, hàng may mặc đạt 28,9 tỷ USD, tăng 4% so với năm 2020; xơ, sợi dự kiến đạt 5,5 tỷ, tăng trên 49% (chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc).

VITAS cũng xây dựng mục tiêu cho năm 2022 theo 3 kịch bản: Kịch bản tích cực nhất, phần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 42,5- 43,5 tỷ USD, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát cơ bản vào quý I/2022. Kịch bản trung bình đạt 40- 41 tỷ USD, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát giữa năm. Kịch bản thấp nhất đạt 38- 39 tỷ USD, trường hợp dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, kéo dài đến cuối năm 2022.

Về triển vọng năm 2022, tình hình dịch bệnh của Việt Nam và thế giới được dự báo sẽ đi xuống, khả năng kiểm soát dịch tốt hơn, khi đó thị trường sẽ phục hồi trở lại, nhu cầu mua sắm của người dân sẽ tăng cao. Bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam hiện cũng chưa có quá nhiều ưu thế hơn so với Việt Nam.

Hiện nay Việt Nam vẫn chưa tự chủ được nguồn cung nguyên phụ liệu dệt may, da giày, phải nhập khẩu nhiều, đặc biệt là vải. Tổng Công ty May 10 (May 10) cho biết, chỉ tính riêng về mặt nguyên liệu vải, hiện TCT May 10 đang phải nhập khẩu trên 60% từ các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc và các nước phát triển như Châu Âu, Ý, và Tây Ban Nha... Việc thiếu công nghiệp hỗ trợ (CNHT), chuỗi cung

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T11/2021	T11/2021 so với T10/2021 (%)	T11/2021 so với T11/2020 (%)	11 tháng năm 2021	T11/2021 so với T11/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may						
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	28.235	20,09	-40,02	414.434	-10,48
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	100.718	4,06	-11,01	1.393.167	0,96
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	16.453	-0,67	-1,16	186.818	7,85
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cối ...	Tấn	82.510	2,88	-1,05	896.795	8,54
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	9.725	4,22	12,32	97.866	4,51
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	38.328	3,91	-18,12	436.032	2,07
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	40.025	0,25	-17,24	553.285	-10,14
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	33.199	20,50	34,04	299.294	16,79
Các sản phẩm may mặc						
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	32.693	1,56	-22,52	425.754	-2,13
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	33.537	10,14	-55,71	565.721	-21,26
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	136.431	3,16	-28,62	1.875.590	-8,20
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	5.438	-0,54	-29,25	74.628	1,23
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	5.971	20,02	21,08	71.146	-15,03
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	17.357	2,58	10,00	162.705	6,81
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	54.472	1,91	14,48	543.962	23,39

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

ứng nguồn cung nguyên phụ liệu không chủ động sẽ là rào cản lớn nhất cho sự phát triển của các DN như TCT May 10.

Vì vậy, theo VITAS, Dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2035 phải định hướng thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên, phụ liệu ngành dệt may, da giày, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

thế hệ mới, cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa; đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu.

Dệt may là một trong những ngành được hưởng lợi nhiều từ các FTA thế hệ mới. Tuy nhiên, để được hưởng những lợi ích mà các FTA mang lại, ngành dệt may trong nước phải đáp ứng được

các quy tắc ứng xử. Cụ thể, đối với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là quy tắc “từ sợi trở đi”; với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) là “từ vải trở đi”.

Ở tầm chiến lược quốc gia, chúng ta phải có giải pháp đầu tư vào phần cung thiếu hụt của các ngành công nghiệp dệt may, da giày để tận dụng lợi ích từ dòng thuế đó. Khi xây dựng chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2035 cần chú trọng giải quyết vấn đề này.

Cần xây dựng một số khu công nghiệp ngành dệt may đồng bộ bao gồm chuỗi sợi- dệt- nhuộm, hoàn tất vải- may mặc, hình thành chuỗi giá trị và cung ứng hoàn chỉnh giữa sản xuất sợi, vải, may và sản xuất nguyên, phụ liệu; ưu tiên dự án sử dụng công nghệ hiện có tốt nhất, có quy trình sản xuất đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu về sản xuất dệt may bền vững, tuần hoàn.

Để tạo hành lang pháp lý và các điều kiện để ngành dệt may phát triển đúng tầm, Bộ Công

Thương đang tập hợp góp ý xây dựng hoàn thiện Dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 trình Chính phủ phê duyệt, ban hành trong năm 2021. Một số mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2030 của ngành Dệt may như sau:

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2030 đạt 5,5-6,0%/năm. Trong đó, giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt 5,5%/năm và giai đoạn 2026-2030 đạt 5,5-6,5%/năm.

- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 46- 47 tỷ USD và đạt 60- 62 tỷ USD vào năm 2030.

- Phấn đấu tỷ lệ nội địa hoá ngành Dệt may tổng 05 năm 2021- 2025 đạt 48- 50% và đạt trung bình 58- 60% trong giai đoạn 2026- 2030.

- Đến năm 2030, phấn đấu thu nhập của lao động ngành Dệt may tương đương mức thu nhập của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm dần khoảng cách với thu nhập chung của lao động DN cả nước □

Những bước tiến của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Hiện nay, ngành điện tử và linh kiện đang là một điểm sáng trong nền kinh tế của Việt Nam. Trong giai đoạn 2016- 2020, ngành điện tử và linh kiện đã phát triển rất mạnh mẽ với các dự án đầu tư nước ngoài, các tập đoàn lớn như Samsung, LG cũng đã đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất các sản phẩm điện tử công nghệ cao với quy mô lớn ở Việt Nam, cụ thể như sau:

Tập đoàn Samsung đến từ Hàn Quốc đã bắt đầu hoạt động sản xuất tại Việt Nam từ năm 2008 với dự án đầu tư đầu tiên là Nhà máy sản xuất điện thoại di động Samsung Electronics Việt Nam (SEV) tại Bắc Ninh, sau đó Samsung Việt Nam tiếp tục xây dựng một nhà máy sản xuất lớn nữa ở Thái Nguyên (SEVT). Hoạt động sản xuất của hai nhà máy này đóng góp rất nhiều vào doanh thu cũng như lợi nhuận của Samsung và ngân sách địa phương, đây cũng là

hai nhà máy sản xuất điện thoại di động lớn nhất của Samsung trên toàn thế giới.

Sau hơn 12 năm hoạt động tại Việt Nam, hiện nay Samsung có tổng 6 nhà máy và đang xây dựng một trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Hà Nội. Hai nhà máy lớn của Samsung là Samsung Electronics Việt Nam và Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên chuyên sản xuất điện thoại di động, máy tính bảng, đồng hồ đeo tay; Samsung Display Việt Nam chuyên sản xuất màn hình LCD và OLED cho các thiết bị của Samsung; Samsung Electro-Mechanics Việt Nam chuyên sản xuất các linh kiện điện tử công nghệ cao cho các sản phẩm công nghệ như camera, bản mạch...

Tính đến hết quý 2/2021, Samsung đứng đầu trên thị trường điện thoại di động với 37% thị phần, tuy nhiên con số này đã sụt giảm so với

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T11/2021	T11/2021 so với T10/2021 (%)	T11/2021 so với T11/2020 (%)	11 tháng 2021	11T/2021 so với 11T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử						
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu	Kg	972.746	3,31	-5,72	10.673.046	5,33
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	918	4,25	-31,02	9.814	-9,21
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	144	-1,78	7,54	1.533	6,17
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	9.303	10,94	-42,56	114.926	-12,32
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	28.519	10,39	-7,29	300.735	5,67
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	17.405	7,82	-8,94	180.687	11,26
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	22.507.939	-2,98	14,76	223.379.750	4,90
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	966.641	-5,10	1,09	8.809.806	-2,42
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	32.426.541	9,37	-19,48	276.063.518	-6,83
Tai nghe không nối với micro	Cái	2.221.600	-11,57	-53,29	27.067.414	-53,61
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu	Cái	956.916	-2,53	-32,83	9.431.900	-32,15
Các sản phẩm điện tử						
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.925.746	28,00	49,08	16.473.027	44,99
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	158.770	64,14	25,43	1.209.793	4,42
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	684.623	11,34	-53,20	9.702.843	-40,93
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	6.500	0,40	-97,38	1.528.665	-85,70
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	639.000	6,23	32,79	5.900.511	30,75
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	170.000	1,78	-12,28	1.630.786	-14,63

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

cùng kỳ năm 2020 (39% thị phần). Doanh thu thuần của tập đoàn Samsung năm 2020 rơi vào khoảng 1,372 nghìn tỷ đồng, với lợi nhuận sau thuế 84.8 nghìn tỷ đồng, những con số này vượt

xa các DN khác trong ngành. Tổng tài sản của tập đoàn Samsung khoảng 782 nghìn tỷ đồng, tài sản lớn nhất là ở Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên với 329 nghìn tỷ đồng.



Tập đoàn LG cũng là một tập đoàn lớn đã đầu tư hoạt động ở Việt Nam từ năm 1995, đến nay LG sở hữu 3 nhà máy sản xuất các mặt hàng chính của LG, bao gồm LG Electronics Vietnam Hai Phong chuyên sản xuất các sản phẩm điện tử; LG Innotek Vietnam Hai Phong chuyên sản xuất và bán các linh kiện điện tử và LG Display Vietnam Hai Phong chuyên sản xuất màn hình LCD và OLED. Riêng về mảng điện thoại di động, sản lượng bình quân của ba nhà máy này mỗi năm chiếm khoảng một nửa sản lượng của LG trên toàn cầu. Ngoài ra, tại Việt Nam, LG còn có một nhà máy là LG Chem Hải Phòng Việt Nam chuyên sản xuất các hạt nhựa (như hạt nhựa lupoy, lupox...).

Doanh thu thuần của LG năm 2020 là 249.3 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 9.2 nghìn tỷ đồng. Dù lợi nhuận vẫn tăng trưởng so với các năm, tuy nhiên sản xuất điện thoại di động chỉ là một mảng nhỏ của LG, do đó trên thị trường thì LG khó có thể cạnh tranh với các tên tuổi lớn khác. Hiện nay, LG tập trung phát triển mạnh sản phẩm tivi, tủ lạnh, máy giặt... và LG đang có dự định rút lui khỏi thị trường điện thoại di động để tập trung phát triển sang các hướng nghiên cứu khác. Cuối năm 2020, vốn chủ sở hữu tại Việt Nam của LG là 40 nghìn tỷ và tổng tài sản là 127 nghìn tỷ đồng.

Intel products Việt Nam là dự án đầu tư của Mỹ từ năm 2006 và đi vào hoạt động vào năm 2010, đây là khoản đầu tư về công nghệ cao lớn nhất của Mỹ vào Việt Nam với hơn 1 tỷ USD, đưa

Intel products Việt Nam trở thành cơ sở sản xuất lắp ráp và kiểm định lớn nhất trong mạng lưới của Intel trên toàn thế giới. Bên cạnh Samsung thì Intel cũng là một cái tên giúp thu hút đầu tư lớn từ nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao nhờ vào bước tiến về công nghệ cũng như sản xuất, đầu năm 2021 Intel tăng vốn thêm 475 triệu USD.

Intel chuyên sản xuất các bộ vi xử lý dòng Intel Core, ngoài ra còn có các công nghệ khác như 5G, IoT, chip điện tử, trên thị trường cung cấp bộ vi xử lý thì hai nhà cung cấp lớn nhất là Intel và ADM, trong đó Intel chiếm thị phần lớn hơn. Năm 2020, doanh thu thuần của Intel products Việt Nam là 38.4 nghìn tỷ đồng, tăng 60% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của DN là 5.4 nghìn tỷ đồng.

Một tên tuổi nổi tiếng khác về lĩnh vực điện tử là Foxconn Technology Group đến từ Đài Loan, tập đoàn có hàng trăm chi nhánh trên khắp thế giới. Tập đoàn Foxconn được biết đến là đối tác cung ứng, sản xuất linh kiện chính của Apple, chuyên sản xuất các thiết bị liên quan đến máy tính, hàng điện tử, công nghệ thông tin... các sản phẩm của Apple được gia công, sản xuất ở Việt Nam như AirPods, Apple Watch, iPad, Macbook. Trong năm 2021, làn sóng chuyển dịch các dây chuyền sản xuất mặt hàng công nghệ ra khỏi Trung Quốc diễn ra và Việt Nam là một điểm đầu tư được Foxconn nhắm đến để mở rộng các nhà máy.

Tại Việt Nam, tập đoàn đã đầu tư xây dựng 5 nhà

máy lớn ở Bắc Ninh và Bắc Giang, trong đó góp mặt vào top 10 những DN trong ngành điện tử và linh kiện có đến 3 DN thuộc Foxconn đó là Công ty TNHH Funing Precision Component, Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang), Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (Bắc Giang). Doanh thu thuần 2020 của các DN này lần lượt là 51.5, 39.5 và 23.4 nghìn tỷ đồng, doanh thu của Funing Precision Component, Fuhong Precision Component còn vượt qua cả Intel Products Việt Nam. Doanh thu lớn nhưng lợi nhuận sau thuế của cả 3 doanh nghiệp cộng lại cũng chỉ khoảng 5.4 nghìn tỷ đồng.

Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Goertek Vina thuộc tập đoàn Goertek Technology (Hồng Kông) chuyên nghiên cứu và sản xuất các thiết bị công nghệ, dự án đầu tiên của Goertek ở Việt Nam là vào năm 2013 tại Bắc Ninh, hiện nay tập đoàn đang khởi công xây dựng một nhà máy nữa ở Nghệ An. Goertek là đối tác sản xuất của các hãng công nghệ lớn như Google, Microsoft, Facebook, Amazon, Samsung, Sony... Goertek Vina chuyên sản xuất các sản phẩm cho Samsung như tai nghe, tai phone, mic. Năm 2020 doanh thu thuần của Goertek Vina là 50.2 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu được là 2.2 nghìn tỷ đồng, tổng tài sản của DN 38.8 nghìn tỷ đồng.

Công ty TNHH Canon Việt Nam là thành viên của tập đoàn Canon- Nhật Bản với các sản phẩm chính là máy in. Canon Việt Nam hoạt động từ năm 2001 và đến nay có 3 nhà máy sản xuất chính là Nhà máy Thăng Long (Hà Nội)- chuyên sản xuất các loại máy in phun, máy quét ảnh; Nhà máy Quế Võ (Bắc Ninh)- chuyên sản xuất các loại máy in lazer; Nhà máy Tiên Sơn (Bắc Ninh) chuyên sản xuất các loại máy in phun. Năm 2020, tại thị trường Việt Nam, Canon dẫn đầu trên thị trường máy ảnh với 48% thị phần

(theo sau đó là Sony với 22% thị phần) và đứng đầu thị trường máy in với 75% thị phần máy in lazer, 55% thị phần máy in phun, máy in Canon luôn được lòng người tiêu dùng Việt Nam trong hàng chục năm nay. Doanh thu thuần 2020 của Canon Việt Nam là 39.1 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1.8 nghìn tỷ đồng.

Có thể thấy, ngành điện tử và linh kiện ở Việt Nam dù hình thành trễ nhưng tăng trưởng rất mạnh mẽ. Việt Nam đã vươn lên nhóm các nước xuất khẩu hàng điện tử chủ chốt, từ mức thứ 47 trong năm 2001 lên vị trí thứ 11 trong năm 2020. Việc các nhà đầu tư tiếp tục mở rộng các dự án sẽ góp phần thúc đẩy phát triển thêm ngành công nghiệp điện tử và thu hút thêm các nhà đầu tư mới cho thị trường nước nhà.

Trong 11 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2020. Riêng trong tháng 11/2021, chỉ số sản xuất của ngành này tăng nhẹ (0,8%) so với tháng 10/2021 và tăng 8,5% so với tháng 11/2020.

Về sản xuất sản phẩm CNHT ngành điện tử trong 11 tháng năm 2021, một số sản phẩm có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm 2020 là: Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$ tăng 11,26%; bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán tăng 6,17%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 5,67%; bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu tăng 5,33%; loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 4,9%. Ngược lại, một số sản phẩm CNHT có sản lượng 11 tháng giảm như: Tai nghe không nối với micro giảm mạnh 53,61%; thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp $\leq 1000V$ chưa được phân vào đâu giảm 32,15%; cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác giảm 12,32%... ▣



Tăng sức cạnh tranh cho ô tô sản xuất trong nước

Từ ngày 01/12/2021, giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước. Đây là một trong hàng loạt giải pháp mà Chính phủ ban hành trong các năm gần đây nhằm khuyến khích ngành sản xuất ô tô trong nước cũng như hạn chế xe nhập khẩu. Tuy nhiên, hiệu quả đem lại chưa như mong đợi, khi lượng ô tô nhập khẩu tiếp tục tăng cao.

CNHT ngành ô tô của Việt Nam những năm gần đây dù có bước tiến nhất định, nhưng còn kém so các nước trong khu vực và bậc lộ không ít hạn chế. Cụ thể, DN CNHT ô tô đang phát triển chậm cả về số lượng và chất lượng. Do máy móc, công nghệ tương đối lạc hậu, chất lượng sản phẩm của DN Việt Nam đạt thấp, giá lại cao, còn khoảng cách khá xa so với sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Tốc độ cập nhật công nghệ của các DN cũng rất chậm, vì vậy, hiện chỉ một vài nhà cung cấp trong nước đủ sức tham gia vào chuỗi cung ứng của các DN sản xuất, lắp ráp ô tô. So với Thái Lan, số lượng nhà cung cấp của Việt Nam trong ngành công nghiệp ô tô thua kém nhiều khi nước này có gần 700 nhà cung cấp cấp 1, nhưng chúng ta chỉ có chưa đến 100; Thái Lan có khoảng 1.700 nhà cung cấp cấp 2 hoặc 3 trong khi Việt Nam có chưa đến 150.

Mặt khác, tỷ lệ nội địa hóa đối với xe cá nhân dưới 9 chỗ ngồi còn rất thấp: Mục tiêu đề ra vào năm 2020 đạt từ 30- 40%, năm 2025 lên từ 40-45% và năm 2030 đạt từ 50- 55%, nhưng đến nay mới đạt bình quân khoảng từ 7- 10%. Phụ tùng linh kiện ô tô hiện đang sản xuất tại Việt Nam chủ yếu là các phụ tùng thâm dụng lao động, công nghệ giản đơn như ghế ngồi, kính, sầm lốp, bánh xe...

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất xe có động cơ trong tháng 11/2021 tăng 7,3% so với tháng 10/2021, song giảm 10,4% so với tháng 11/2020. Tính chung 11 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất của ngành này tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, sản xuất một số sản phẩm CNHT ngành ô tô tăng trưởng khá so cùng kỳ năm

2020 như: Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt tăng 16,8%; cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải tăng 13,65%; bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ tăng 6,62%. Ngược lại, sản xuất phụ tùng khác của xe có động cơ đạt giảm nhẹ 1,61%.

Để phục vụ lắp ráp ô tô, các hãng xe trong nước phải nhập khẩu hầu hết các nhóm sản phẩm CNHT có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, nhất là các bộ phận, linh kiện quan trọng thuộc hệ thống phanh, ly hợp, hộp số, hệ thống lái... khiến chi phí sản xuất thiếu cạnh tranh. Đây chính là lý do khiến các hãng xe ít quan tâm với việc lắp ráp, chuyển sang nhập khẩu xe nguyên chiếc. Toyota cho biết, dòng xe Corolla Cross là mẫu bán chạy nhất của hãng trong tháng 9/2021 hiện đang được nhập khẩu từ Thái Lan với giá từ 720 triệu đồng, nhưng nếu chuyển sang lắp ráp trong nước chắc chắn giá cao hơn nhiều.

Theo các chuyên gia, CNHT ngành ô tô phát triển sẽ có tác động tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm ô tô lắp ráp hoàn chỉnh trong nước. Mặt khác, không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô, CNHT còn tạo ra hiệu ứng kéo theo các ngành công nghiệp khác cùng phát triển như luyện kim, nhựa, cao-su, dệt may, điện-điện tử... góp phần giải quyết việc làm, tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế, kích thích tiêu dùng trong nước, mở rộng quy mô thị trường của các ngành công nghiệp này.

Từ kinh nghiệm xây dựng và thực thi chính sách của một số quốc gia trên thế giới, các chuyên gia kiến nghị cần xây dựng chiến lược phát triển CNHT ngành ô tô tổng thể với lộ trình và bước đi thích hợp. Sự thành công của nền công nghiệp ô tô Thái Lan cũng bắt đầu bằng việc xây dựng được một chiến lược tổng thể và tập trung nguồn lực phát triển cho CNHT. Việc tạo dựng được một mạng lưới CNHT vững mạnh,

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T11/2021	T11/2021 so với T10/2021 (%)	T11/2021 so với T11/2020 (%)	11 tháng 2021	11T/2021 so với 11T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô						
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	10.802.823	10,91	-9,01	108.359.088	6,62
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	8.091	4,97	-10,32	68.986	13,65
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	73.734	7,19	-25,38	989.753	-1,61
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	3.590.000	0,45	-8,05	40.560.139	16,80
Các sản phẩm khác						
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đâu	Chiếc	1.347	26,72	68,80	12.884	62,53
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	9.062	-7,85	-28,44	116.428	6,39
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	5.895	62,08	-31,09	48.910	3,81
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	-		-100,00	13.703	-9,00

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

trình độ công nghệ cao đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh của ngành công nghiệp ô tô Thái Lan. Bên cạnh đó, cần nhất quán phát triển CNHT dựa trên nền tảng hệ thống DN nhỏ và vừa, thúc đẩy đầu tư liên kết, liên doanh để học hỏi công nghệ và nâng cao năng lực cho các DN. Cộng thêm việc khuyến khích vai trò đầu tàu của hãng xe lớn được chọn trong thiết lập các vùng (cụm) công nghiệp, từ đó hội tụ các DN CNHT nhằm hình thành mạng sản xuất và vùng cung ứng. Đây là giải pháp Trung Quốc đã triển khai rất thành công. Quốc gia này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho các DN nhỏ và vừa tham gia vào CNHT ô tô trong mạng sản xuất địa phương. Bên cạnh việc thu hút các hãng xe nước ngoài đầu tư, Trung Quốc cũng ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích sự phát triển của các DN tư nhân tham gia vào sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô và cơ khí. Những chính

sách ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng và nhiều biện pháp khuyến khích các hãng nước ngoài sử dụng các linh kiện sản xuất trong nước đã có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của CNHT ngành ô tô. Chính phủ Trung Quốc cũng khuyến khích các liên doanh sản xuất thương hiệu ô tô trong nước, nhờ đó góp phần tạo nên sự gắn kết giữa DN trong nước với DN nước ngoài, trong đó các DN lớn đóng vai trò trung tâm thu hút liên kết và thực hiện chuyển giao công nghệ cho các DN nhỏ.

Các cơ quan quản lý nhà nước cũng cần thực hiện tốt vai trò hỗ trợ phát triển. Theo đó, để tháo gỡ vướng mắc về chênh lệch chi phí sản xuất giữa ô tô trong nước và ô tô nhập khẩu, cần tiếp tục duy trì và triển khai có hiệu quả các chương trình ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu linh kiện, phụ tùng cho hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định khuyến khích DN nâng

Tháng 11/2021, xuất nhập khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may tăng nhẹ

Sau khi nới lỏng giãn cách xã hội, người lao động đã quay trở lại làm việc ở các nhà máy với tỷ lệ 92- 93%. Trong thời gian giãn cách, DN dệt may Việt Nam không đáp ứng được tiến độ giao hàng nên đã có số lượng nhất định đơn hàng giao tháng 11, 12 phục vụ Tết 2022 được chuyển đi, ước tính khoảng 13-14%. Tuy vậy, có dấu hiệu các đơn hàng quay lại (niên vụ 2022) kể từ sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 128 về kiểm soát, sống chung với Covid-19 trong tình hình mới.

Chính vì vậy, mục tiêu cho dệt may Việt Nam năm 2022 là xuất khẩu khoảng 43,5 tỷ USD dựa trên cơ sở đánh giá xu hướng tiêu dùng toàn cầu. Song, để đạt mục tiêu này, theo Chủ tịch Hiệp hội dệt may Việt Nam, ngành dệt may phải bắt kịp xu hướng tiêu dùng, tập trung vào các thị trường quan trọng như Mỹ, thị trường khối CPTPP và EVFTA.

Đặc biệt, để tiếp tục tận dụng lợi thế từ các thị

trường này, việc sử dụng bông và nguyên liệu đầu vào minh bạch phải tiếp tục đẩy mạnh. Đó là thực hiện trách nhiệm của các nhà sản xuất đối với người tiêu dùng, với nhân hàng, với môi trường...Điều này không chỉ giải quyết mục tiêu xuất khẩu mà còn là nền tảng để thực hiện chương trình xanh hóa và phát triển bền vững của ngành dệt may.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may ước tháng 11/2021 đạt trên 3,42 tỷ USD, tăng 2,73% so với tháng 10/2021 và tăng 5,55% so với tháng 11/2020. Lũy kế 11 năm 2021, xuất khẩu chủng loại này ước đạt 36,31 tỷ USD, tăng 10,67% so với năm 2020.

Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) dự báo, năm 2022, tình hình dịch bệnh trên thế giới và Việt Nam vẫn diễn biến rất phức tạp, khó lường, song ngành dệt may Việt Nam ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Theo đó, các thị trường lớn như

Bảng 4: Xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Nhóm hàng	Ước tháng 11 năm 2021			Ước 11 tháng năm 2021		
	Trị giá (Triệu USD)	So với T10/2021 (%)	So với T11/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 11T/2020 (%)	So với 11T/2019 (%)
Hàng may mặc	2.714	2,65	-3,00	28.805	8,21	-4,39
Xơ sợi dệt các loại	501	7,05	17,91	5.066	36,89	32,23
Nguyên phụ liệu dệt may da giày	140	-4,76	-9,52	1.729	-10,5	-4,86
Vải kỹ thuật	68	-6,85	42,83	717	70,42	18,98
Tổng	3.423	2,73	5,55	36.318	10,67	-0,06

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

cao sản lượng, chất lượng sản phẩm cũng như giá trị gia tăng tạo ra trong nước .

Ngày nay, với sự phát triển của các DN ô tô Việt Nam như Vinfast và Thaco, chuỗi cung ứng ô tô tại nội địa có thể phát triển nhanh và có sự chủ

động của công ty đầu chuỗi là DN Việt Nam. Vì vậy, Chính phủ và bộ ngành cần chủ động hỗ trợ để tạo sự hấp dẫn riêng cho ngành công nghiệp ô tô của Việt Nam, từ đó tạo nền tảng hút thêm nhiều nhà đầu tư lớn

Mỹ, Liên minh châu Âu (EU)... đã mở cửa trở lại. Đặc biệt, Việt Nam đã thay đổi chính sách từ zero COVID sang vừa thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 vừa phục hồi và phát triển kinh tế theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ.

Năm 2023, trên cơ sở tình hình diễn biến dịch bệnh và sự triển khai quyết liệt, thống nhất Nghị quyết 128/CP-NQ của Chính phủ từ Trung ương đến địa

phương, VITAS xây dựng 3 kịch bản tăng trưởng.

Theo đó, kịch bản tích cực nhất phấn đấu đạt kim ngạch xuất khẩu 42,5- 43,5 tỷ USD, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát cơ bản vào quý I/2022. Kịch bản trung bình đạt 40-41 tỷ USD, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát giữa năm 2022. Kịch bản thấp nhất đạt 38-39 tỷ USD, trong trường hợp dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, kéo dài đến cuối năm 2022.

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Thị trường	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So với T10/2021 (%)	So với T11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So với 11T/2020 (%)	Tỷ trọng 11T/2021 (%)
Tổng KN	3.423,40	2,73	5,55	36.318,96	10,67	100
Khối DNFDI	1.424,77	4,3	5,68	17.847,66	16,77	63,54
Hoa Kỳ	1.102,76	9,97	5,05	11.027,65	24,19	49,18
Khối EU	217,6	5,26	21,11	2.176,04	14,19	9,7
Đức	51,92	14,73	15,08	519,22	1,45	2,32
Hà Lan	48,14	30,01	29,42	481,36	27,45	2,15
Pháp	36,28	-5,13	65,92	362,82	41,57	1,62
Bỉ	28,46	-17,39	0,41	284,64	17,27	1,27
Italy	19,24	-14,83	26,34	192,45	30,25	0,86
Tây Ban Nha	16,13	-5,61	23,4	161,32	-19,03	0,72
Ba Lan	6,07	18,39	31,49	60,68	19,88	0,27
Thụy Điển	4,98	4,37	-20,2	49,76	17,03	0,22
Đan Mạch	2,94	36,58	14,82	29,37	-23,6	0,13
Séc	0,96	20,88	-3,18	9,57	62,12	0,04
Luxembourg	0,8	1,88	205,05	7,96	223,12	0,04
Phần Lan	0,69	37,63	1,11	6,86	53,92	0,03
Áo	0,56	236,45	-61,4	5,65	-71,07	0,03
Hy Lạp	0,35	-11,35	-72,52	3,52	-34,58	0,02
Hungary	0,07	145,36	25,78	0,73	63,14	0
Slovakia	0,02			0,17	-69,64	0
Nhật Bản	239,93	-10,32	12,35	2.399,28	-6,38	10,7
Hàn Quốc	196,5	-30,95	18,42	1.964,99	4,09	8,76
Khối Asean	115,88	7,23	50,66	1.158,81	18,93	5,17
TT khác	342,86	-14,4	48,95	3.428,50	3,2	9,44

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may tháng 11/2021 giảm 1,9%

Mặc dù là nước xuất khẩu thuộc Top đầu thế giới, song ngành dệt may Việt Nam vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguyên phụ liệu nhập khẩu. Việc nguyên phụ liệu nhập khẩu tăng được lý giải, do ngành dệt may gần đây đã phục hồi trở lại với khối lượng đơn hàng cao và DN cần nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất. Theo cam kết của các FTA, mà cụ thể là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- EU thì DN dệt may phải đáp ứng quy tắc xuất xứ về nguyên phụ liệu. Điều này sẽ khiến DN cần tăng tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu trong nước, hoặc phải nhập khẩu từ các nước có FTA với EU như Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng giá sẽ cao hơn từ 8-15%.

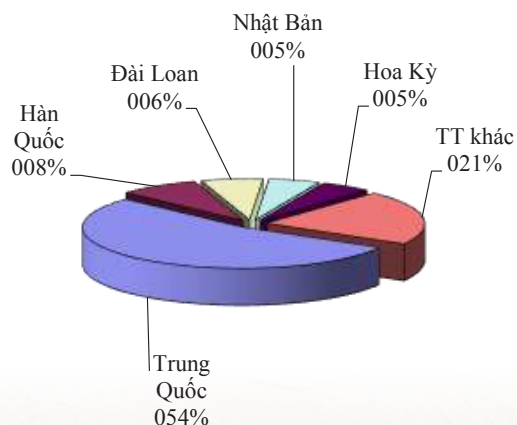
Trong khi đó, lợi ích về cắt giảm thuế quan của EVFTA có thể chưa đủ bù đắp để dệt may Việt Nam có giá bán cạnh tranh so với đối thủ.

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu nguyên phụ liệu (NPL) dệt may tháng 11/2021 ước đạt kim ngạch trên 458,77 triệu USD, giảm 1,9% so với tháng trước và tăng 56,66% so với tháng 11/2020. Tính chung năm 2021, nhập khẩu NPL dệt may ước đạt 4,15 tỷ USD, tăng 45,19% so với năm 2020.

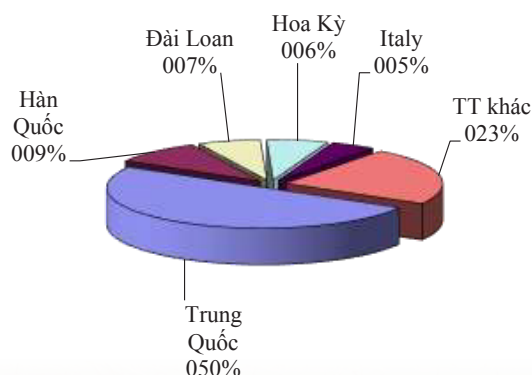
Trong tháng 11/2021, các thị trường lớn mà nước ta nhập khẩu NPL dệt may gồm có: Trung Quốc, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Đài Loan (Trung Quốc), ASEAN đã chiếm trên 79% tổng kim ngạch nhập khẩu NPL dệt may của Việt Nam

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường nhập khẩu NPL dệt may (ĐVT: %, tính theo kim ngạch xuất khẩu)

T11/2021



11T/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan



Xây dựng ngành điện tử mục tiêu trở thành ngành công nghiệp chủ lực, cung ứng cho thị trường nội địa và tham gia xuất khẩu

Công nghiệp điện tử là ngành sản xuất trọng yếu trong nền kinh tế, có vị trí then chốt và tác động lan tỏa mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác. Hiện ngành này đang chiếm tỷ trọng 17,8% toàn ngành công nghiệp, chủ yếu sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và linh kiện...

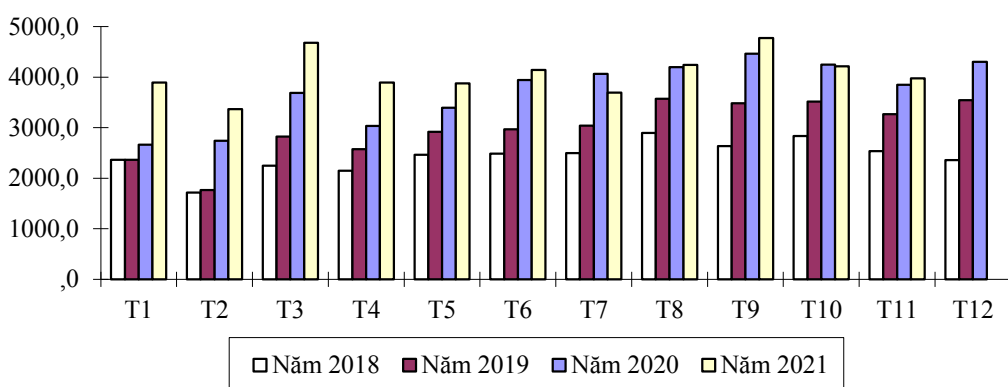
Trong năm 2020, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19 nhưng nhóm hàng này vẫn đạt tốc độ tăng cao và ổn định vững chắc và đến năm 2021, ngành điện tử tiếp tục sẽ tăng trưởng mạnh mẽ do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng phục vụ thông tin liên lạc cũng như phương tiện làm việc trong điều kiện giãn

cách xã hội vì ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngoài ra, dịch bệnh cũng khiến các công ty sản xuất máy tính, điện tử trên thế giới phải đóng cửa.

Xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong tháng 11/2021 ước đạt trên 3,97 tỷ USD, tăng 6,84% so với tháng trước và tăng 4,97% so tháng 11/2020. Tính chung 11 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 43,76 tỷ USD, tăng 22,59% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm trên 15,14% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước ta.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019- 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Dự báo, ngành điện tử tiếp tục sẽ tăng trưởng mạnh mẽ do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng phục vụ thông tin liên lạc cũng như phương tiện làm việc trong điều kiện giãn cách xã hội vì ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngoài ra, dịch bệnh cũng khiến các DN sản xuất máy tính, điện tử trên thế giới phải đóng cửa.

Xuất khẩu máy vi tính, linh kiện và sản phẩm điện

tử cả năm 2021 có thể đạt khoảng 50 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2020. Đây là những tín hiệu đáng mừng, dự báo một năm tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm ngành này, đem lại nhiều đóng góp lớn cho quá trình khôi phục và đạt mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2021. Mục tiêu là xây dựng ngành điện tử trở thành ngành công nghiệp chủ lực, cung ứng cho thị trường nội địa và tham gia xuất khẩu.

Bảng 6: Xuất khẩu máy vi tính và linh kiện điện tử của Việt Nam sang một số thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Thị trường	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So 11T/2020 (%)	Tỷ trọng KN 11T/2021 (%)
Tổng KN	3.978,23	6,84	4,97	43.760,57	22,59	100
Khối DNFDI	3.901,83	7,16	25,93	42.920,09	41,78	98,08
Hoa Kỳ	960,35	-6,79	-1,65	10.563,87	31,41	24,14
Trung Quốc	869,95	55,99	8,08	9.569,45	-3,59	21,87
Khu vực EU	484,66	-13,24	-17,22	5.331,28	29,71	12,18
Hà Lan	144,77	1,25	4,07	1.592,45	15,36	3,64
Ba Lan	96,75	-20,78	-23,74	1.064,23	59,29	2,43
Slovakia	84,73	-0,12	64,31	931,98	112,48	2,13
Đức	52,52	-19,61	12,46	577,68	41,35	1,32
Hungary	39,4	-25,38	-72,95	433,44	-2,64	0,99
Italy	18,71	-50,68	-69,55	205,77	-4,83	0,47
Pháp	13,94	-38,76	-67,01	153,36	-22,97	0,35
Séc	12,62	36,17	191,95	138,86	80	0,32
Tây Ban Nha	8,58	-69,69	-87,15	94,33	-25,74	0,22
Thụy Điển	4,59	-61,97	-62,94	50,49	-22,22	0,12
Bồ Đào Nha	3,14	-39,77	-58,25	34,54	4,38	0,08
Bỉ	2,26	-24,12	-3,02	24,84	10,89	0,06
Hy Lạp	1,73	-98,64	-96,27	18,99	-1,3	0,04
Phần Lan	0,56	-59,32	213,48	6,16	-10,47	0,01
Romania	0,38	263,11	2,71	4,14	33,03	0,01
Khu vực Asean	227,01	16,97	79,52	2.497,09	77,37	5,71
TT khác	585,49	6,48	-33,15	6440,21	30,97	14,72

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Một số chủng loại linh kiện máy tính xuất khẩu trong tháng 11/2021

Chủng loại	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So tháng 11T/2020 (%)
Bộ vi xử lý	1.116,38	43,67	14,62	12.280,20	6,31
Bộ nhớ	418,29	10,68	99,84	4.601,15	155,01
Điốt - thiết bị bán dẫn	373,54	-12,24	-39,5	4.108,90	-22,3
Thiết bị âm thanh	191,26	-17,01	-27,38	2.103,86	-17,72
Mạch các loại	106,79	5,57	40,1	1.174,67	-18,57
Vi mạch tích hợp	60,33	23,69	-34,1	663,63	-39,32
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	44,73	-41,81	-54,66	492,01	-25,85
Card các loại và linh kiện	28,26	-16,94	110,29	310,90	66,09
Thiết bị thu phát	23,42	22,29	47,93	257,64	17,3
Ổ đĩa vi tính	17,76	-3	-15	195,38	24,94
Bo mạch	13,83	236	1.058,45	152,11	386,82
Chuột máy tính	7,88	-20,46	-5,87	86,66	-18,9

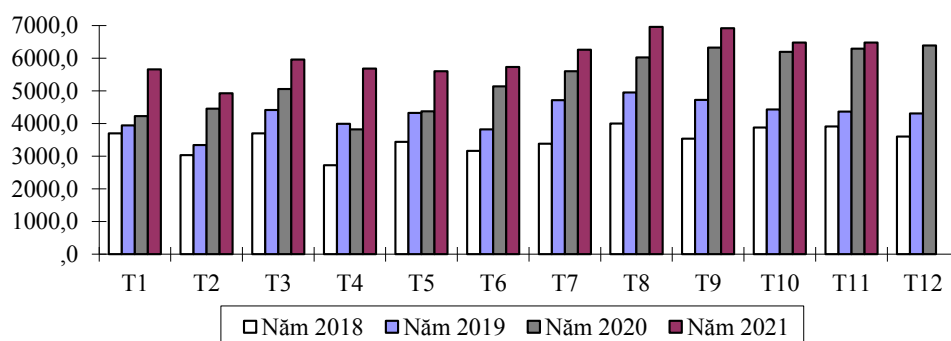
Chủng loại	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So tháng 11T/2020 (%)
Camera / máy ảnh và linh kiện	7,53	-100	-100	82,83	-96,08
Tụ các loại	6,51	61,05	97,73	71,63	52,17
Thiết bị khuếch đại	5,07	28,24	71,98	55,79	79,83
Micro	4,34	42,22	-4,44	47,69	-1,57
Điện trở	3,78	-4,31	30,87	41,58	-56,54
Pin máy tính	2,83	-24,55		31,13	
Camera - máy ảnh và linh kiện	1,38			15,14	
Tinh thể điện áp	0,46	251,04	223,19	5,02	134,46
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	0,11	-28,6	-96,37	1,17	-95,7
Vỏ máy tính	0,03	-70,19	-99,53	0,31	-97,53

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu

Tháng 11/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước ước đạt trên 5,84 tỷ USD, tăng 2,41% so với tháng trước và tăng 11,67% so với tháng 11/2020. Tính đến hết 11 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 64,32 tỷ USD, tăng 23,56% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,38% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước ▣

Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam từ một số thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2021

Thị trường	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So 11T/2020 (%)	Tỷ trọng 11T/2021 (%)
Tổng KN	5.848,01	2,41	11,67	64.328,11	23,56	100
Khối DNFDI	5.458,07	2,29	34,7	60.038,80	42,24	93,33
Trung Quốc	1.670,23	-1,06	11,52	18.372,53	44,23	28,56
Hàn Quốc	1.539,20	4,15	18	16.931,20	12,12	26,32
Đài Loan (TQ)	759,32	-2,86	7,76	8.352,47	36,56	12,98

Thị trường	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So 11T/2020 (%)	Tỷ trọng 11T/2021 (%)
Khu vực Asean	436,29	25,05	19,36	4.799,14	26,79	7,46
Malaysia	170,1	8,76	11,5	1.871,13	39,49	2,91
Thái Lan	92,37	2,88	23,43	1.016,12	6,56	1,58
Philippines	90,05	24,3	26,35	990,57	35,92	1,54
Singapore	62,27	170,55	47,46	684,96	21,58	1,06
Indonesia	21,49	5,93	-26,58	236,38	19,49	0,37
Nhật Bản	426,08	20,85	-16,41	4.686,86	1,59	7,29
Khu vực EU	401,3	7,48	35,46	4.414,28	18,23	6,86
TT khác	536	-10,11	-6,73	5.896,17	5,56	9,17

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 9: Một số mặt hàng linh kiện và phụ tùng điện tử nhập khẩu của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	Ước T11/2021 (Triệu USD)	So tháng 10/2021 (%)	So tháng 11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Triệu USD)	So tháng 11T/2020 (%)
Vi mạch tích hợp	1.552,33	5,71	-5,98	16.299,43	-5,89
Bộ vi xử lý	1.513,07	4,03	32,8	15.887,26	28,6
Bộ nhớ	579,53	-26,46	47,38	6.085,02	133,75
Mạch các loại	409,10	1,63	26,62	4.295,54	26,6
Điốt - thiết bị bán dẫn	347,47	12,76	-12,21	3.648,41	-3,02
Bộ mạch	123,29	-14,65	19,85	1.294,50	45,31
Tụ các loại	116,60	4,26	2,63	1.224,32	19,22
Thiết bị âm thanh	69,93	-32,47	-44,73	734,25	-28,76
Chip khuếch đại	68,75	25,94	-25,58	721,84	69,82
Ổ đĩa vi tính	36,69	11,19	50,45	385,28	84,76
Chuột máy tính	34,53	12,97	-3,78	362,56	-11,6
Card các loại và linh kiện	24,90	-46,35	95,24	261,43	458,74
Micro	16,04	-4,26	-2,01	168,43	33,01
Tinh thể điện áp	13,67	39,02	124,03	143,59	98,05
Thiết bị thu phát	13,64	-1,01	24,31	143,18	10,72
Pin máy tính	8,33	26,89	449,99	87,49	2.700,91
Thiết bị khuếch đại	3,41	3,01	36,52	35,79	32,48
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	2,76	-9,36	4,66	28,95	-16,65
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	0,63	-18,3	-44,19	6,60	-47,69
Đèn điện tử	0,33	42,22	86,2	3,47	51,1
Bộ cộng hưởng	0,26	-10,1	-60,23	2,73	-55,42
Vỏ máy tính	0,24	-9,48	40,14	2,57	-8,76
Camera / máy ảnh và linh kiện	0,21	-100	-100	2,26	-99,88
Bóng cao tần	0,06	74,18	1,4	0,66	299,63
Lò vi sóng và thiết bị	0,05	-37,64	-48,2	0,48	28,75

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2021, nhập khẩu linh kiện ô tô trong nước giảm nhẹ

Dù thị trường ô tô trong nước đang trầm lắng do ảnh hưởng dịch COVID-19, nhưng hoạt động nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô trong những tháng vừa qua có sự tăng trưởng mạnh. Điều đó cho thấy, hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước có dấu hiệu khởi sắc trở lại. Nhiều chính sách ưu đãi cho hoạt động sản xuất, lắp ráp xe đã đi vào hiệu lực, tạo ra tác động tốt cho thị trường.

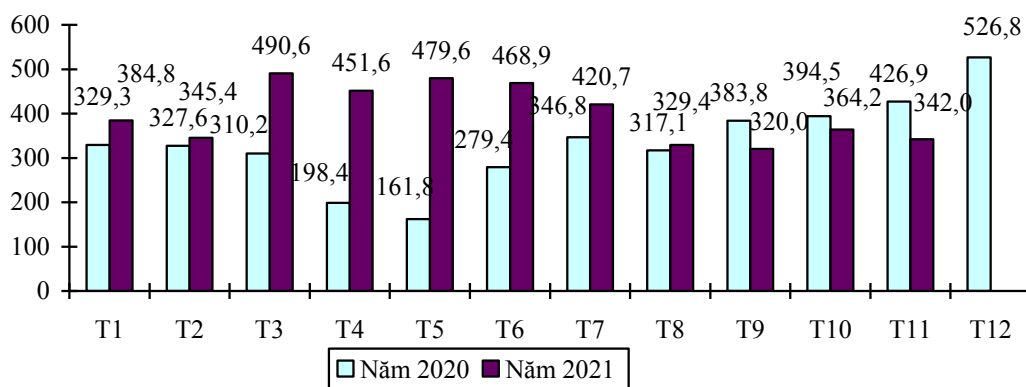
Điều này khiến nhiều mẫu xe tiêu thụ tốt đã được chuyển từ nhập khẩu sang lắp ráp. Các nhà sản xuất cũng mạnh dạn đầu tư nhiều hơn cho việc mở rộng hoạt động trong nước. Đây là một tín hiệu rất tích cực từ thị trường trong giai đoạn khó khăn khi nhiều nhà máy của thành viên Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam

(VAMA) đã có những quãng thời gian tạm dừng sản xuất kể từ khi đợt dịch thứ tư bùng phát vào ngày 27/4 đến nay. Với những động thái dần mở cửa các thành phố lớn trong giai đoạn này, hứa hẹn tiếp tục tăng doanh số ô tô lắp ráp trong giai đoạn cuối năm nay.

Nhập khẩu linh kiện giảm nhẹ

Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 11 năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của nước ta ước đạt 342,07 triệu USD, giảm 6,07% so với tháng trước và tăng 6,91% so với tháng 11 năm 2020. Tổng 11 tháng năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của cả nước ước đạt 4,48 tỷ USD, tăng 39,75% so với 11 tháng năm 2020.

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô các tháng năm 2020 và năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Về thị trường nhập khẩu

Trong tháng 11 năm 2021, Việt Nam nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô chủ yếu từ các thị trường Khối ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.. trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hàn Quốc, đạt trị giá 105,41 triệu USD, chiếm 30,82% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, giảm 14,43% so với tháng 10 năm 2021 và tăng 30,82% so với tháng 11 năm 2020.

Thị trường nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô lớn thứ hai của Việt Nam là Trung Quốc, đạt 61,25 triệu USD, chiếm 17,91%, giảm 5,22% so với tháng 10 năm 2021 và tăng 5,82% so với tháng 11 năm 2020.

Xếp thứ ba về kim ngạch là thị trường ASEAN, ước đạt 53,68 triệu USD, chiếm 15,69%, tăng 3,44% so với tháng 10 năm 2021 và giảm 3,22% so với tháng 11 năm 2020.

Linh kiện phụ tùng ô tô nhập khẩu từ thị trường các nước EU nói chung chỉ chiếm 5,93% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt 20,28 triệu USD, tăng 17,77% so với tháng 10 năm 2021 và giảm 13,11% so với tháng 11 năm 2020.

Nhìn chung trong 11 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô các loại từ hầu hết các thị trường tăng so với cùng kỳ năm trước; trong đó, nhập khẩu từ thị trường Ấn Độ, Tây Ban Nha và Thổ Nhĩ Kỳ tăng mạnh nhất ▣

Bảng 10: Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam từ một số thị trường 11 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Ước tháng 11/2021 (Nghìn USD)	So với T10/2021 (%)	So với T11/2020 (%)	Ước 11T/2021 (Nghìn USD)	So với năm 2020 (%)
Tổng	342.070	-6,07	6,91	4.482.335	39,75
Khối DN FDI	148.386	3,08	-2,9	2.049.596	44,06
Hàn Quốc	105.418	-14,43	20,29	1.186.643	36,21
Trung Quốc	61.253	-5,22	5,82	821.757	54,41
Khối ASEAN trong đó:	53.687	3,44	-3,22	1.020.283	38,31
<i>Thái Lan</i>	43.363	-0,76	0,77	799.323	43,91
<i>Indonesia</i>	7.263	36,31	-21,03	167.655	25,26
<i>Malaysia</i>	1.937	-0,54	0,55	33.274	4,8
<i>Philippines</i>	1.125	20,58	-14,58	20.031	22,72
Nhật Bản	41.083	-15,33	22,12	666.865	15,27
Ấn Độ	23.513	2,87	-2,71	255.146	77,05
Khối EU-27 trong đó:	20.287	17,77	-13,11	183.253	77,02
<i>Đức</i>	11.570	-9,04	11,04	103.947	72,53
<i>Hà Lan</i>	7.877	130,19	-36,13	65.329	91,35
<i>Tây Ban Nha</i>	328	-40,69	218,45	6.868	108,11
<i>Italy</i>	512	-3,4	3,64	7.109	-10,4
Hoa Kỳ	3.805	2,99	-2,82	35.741	129,9
Nga	779	-50		3.540	2,13
Thổ Nhĩ Kỳ	942	-9,6	11,88	6.863	140,57

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

TP. Đà Nẵng triển khai Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030”

UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 7699/UBND-SCT ngày 17/11/2021 giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện tập trung triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Theo đó, cần nghiên cứu, hoàn thiện, nâng cấp quy mô các công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học ngành công thương theo chuỗi công nghệ khép kín, sản xuất tuần hoàn đối với từng nhóm nguyên liệu chủ yếu trong nước, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các ngành, lĩnh vực công nghiệp, thương mại, năng lượng; ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành năng lượng, thương mại, công nghiệp chế biến (gồm: Thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm đồ uống chế biến từ hạt, ngũ cốc...); các ngành công nghiệp nhẹ (dệt may, da giày, giấy, dầu thực vật, nhựa...), khai thác khoáng sản. Hỗ trợ DN công nghệ sinh học nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, phát triển tài sản trí tuệ theo các chính sách, chương trình, kế hoạch của thành phố.

Đồng thời, tranh thủ hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp sinh học thông qua các chương trình hợp tác với các quốc gia tiên tiến, phát triển về công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học; chú trọng hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ DN nhỏ và vừa phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học, tạo điều kiện để DN làm chủ công nghệ được chuyển giao, nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ và tự chủ triển khai hoạt động sản xuất. Tổ chức các hoạt động kết nối, hỗ trợ DN ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ trong nghiên cứu sản xuất, kinh doanh sản phẩm Đề án.

Khuyến khích đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm phục vụ phát triển công nghiệp sinh học, đồng thời có chức năng kiểm nghiệm chất lượng và chất lượng an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của thành phố Đà Nẵng. Tạo lập thị trường thông thoáng, thuận lợi, phát

triển thêm các ngành công nghiệp phụ trợ và khuyến khích các DN thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghệ sinh học; kết nối giữa các nhà khoa học của các Viện, trường, tổ chức với DN công nghệ sinh học để hỗ trợ DN ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ trong nghiên cứu sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Bên cạnh đó, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương; xây dựng, lồng ghép trong các chính sách, chương trình thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp chế biến. Tạo lập thị trường, môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và khuyến khích các DN thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghiệp sinh học, hình thành và phát triển các DN công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến được nêu tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan khác. Thực hiện hỗ trợ DN nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa; chú trọng phát triển công nghiệp sinh học.

Mặt khác, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp sinh học và tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học ngành công thương; hợp tác với các tổ chức quốc tế để triển khai kinh nghiệm, nguồn kinh phí thông qua các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Kêu gọi các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp sinh học để nâng cao hiệu quả phát triển công nghiệp sinh học và khai thác hiệu quả năng lực, kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học thông qua các phương tiện truyền thông hoặc bằng hình thức phù hợp nhằm phổ biến công nghệ, sản phẩm, các kiến thức về kỹ thuật, giải pháp hữu ích, thành tựu khoa học và công nghệ mới trong phát triển công nghiệp sinh học.

UBND thành phố giao Sở Công Thương chủ

trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ Đề án được nêu tại Công văn này; tham mưu UBND thành phố triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách để thực hiện có hiệu quả Đề án trên địa bàn thành phố; chú trọng chính sách ưu đãi đối với DN đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công nghệ chế biến phù hợp với các chủ trương, chính sách của Bộ, ngành Trung ương.

Sở Công Thương có trách nhiệm chủ động xây dựng nội dung cụ thể triển khai Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của ngành công thương bằng hình thức phù hợp, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án theo yêu cầu; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án, gửi Bộ Công Thương, UBND thành phố và các đơn vị liên quan.

UBND thành phố giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ thực hiện Đề án theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2141/KH-UBND ngày 27/3/2017 của UBND thành phố về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học thành phố Đà Nẵng giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Đồng thời, nghiên cứu, lồng ghép các chính sách hỗ trợ hiện hành của ngành để hỗ trợ DN, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học công nghệ trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại và năng lượng nhằm hỗ trợ, thúc đẩy công nghiệp sinh học trên địa bàn thành phố. Chú trọng các hoạt động khởi nghiệp, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, nhận chuyển giao công nghệ mới... để phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn thành phố.

Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện chủ động xây dựng nội dung cụ thể triển khai Đề án theo các nhiệm vụ Đề án có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý bằng hình thức phù hợp, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án theo

yêu cầu; phối hợp báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ Đề án thuộc lĩnh vực quản lý khi có yêu cầu, gửi về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và Bộ Công Thương.

Vĩnh Phúc tăng cường thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT sản xuất ô tô

Với sự hiện diện của những nhà đầu tư lớn như Toyota, Honda, Deawoo Bus và hàng trăm DN sản xuất phụ trợ, Vĩnh Phúc đã có sự bứt phá ngoạn mục và nền móng vững chắc để vươn lên trở thành trung tâm công nghiệp sản xuất ô tô của khu vực trong thời gian tới.

Những năm qua, Vĩnh Phúc được biết đến là một trong những trung tâm công nghiệp lớn về cơ khí ô tô ở phía Bắc. Trong đó, các công ty ô tô luôn có đóng góp lớn nhất vào tổng số thu ngân sách và giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.

Kể từ năm 1995, khi Toyota đầu tư vào Vĩnh Phúc cho đến nay, nhà đầu tư đến từ Nhật Bản này luôn giữ vị trí dẫn đầu trên thị trường ô tô Việt Nam với sản lượng nhà máy đạt trên 70.000 xe/năm. Nhờ hoạt động của Xưởng dập năm 2013 và Trung tâm xuất khẩu phụ tùng ô tô năm 2007, cũng như đẩy mạnh hoạt động để nâng cao nội địa hóa tại nhà máy, Toyota đã nâng tỷ lệ nội địa hóa xe từ 19% đến 37%, tùy theo từng mẫu xe.

Hiện nay, trong các nhà cung cấp lĩnh vực chế tạo đã có 6 nhà cung cấp Việt Nam ở lớp 1 tham gia được vào chuỗi cung ứng cho Toyota, 3 công ty cung cấp linh kiện cơ khí và 3 công ty cung cấp linh kiện nhựa. Trong số này, nhiều công ty đặt ngay tại Vĩnh Phúc, số còn lại ở một tỉnh lân cận.

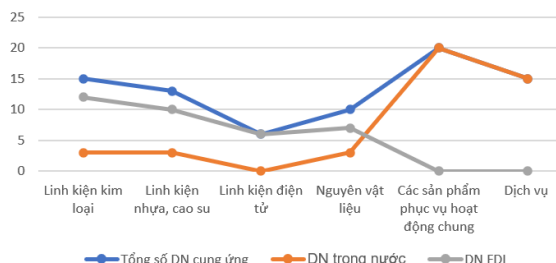
Còn đối với Honda, hiện nay, các linh kiện phục vụ lắp ráp ô tô của Honda hầu hết đều phải nhập khẩu (chiếm trên 90%), chỉ có một số ít các linh kiện kim loại đơn giản như chi tiết cho ghế xe; linh kiện nhựa, nội thất... là được mua tại Việt Nam (chiếm từ 1-5%).

Tuy vậy, trong 3 năm qua, số lượng nhà cung cấp tham gia chuỗi cung ứng của ô tô Honda đã tăng từ 16 năm 2018 lên 26 nhà cung cấp năm 2021, nhiều nhất là các công ty cung ứng linh kiện kim loại (tăng 5 DN). Linh kiện nhựa,

cao su, từ chỗ không có đơn vị cung cấp nào, đến 2021 đã có 3 nhà cung cấp nội địa tham gia được vào chuỗi, còn lại là linh kiện điện tử (tăng thêm 2 DN).

Ở Vĩnh Phúc, hiện chỉ có 1 công ty trong nước là Thiện Mỹ đang cung cấp phần xi mạ các sản phẩm nhựa tô tô cho nhà cung cấp lớp 1 của Honda là công ty Nhựa Hà Nội. Ngoài ra, ghế xe của Honda do 1 công ty FDI Đà Loan cung cấp.

Số lượng các doanh nghiệp cung ứng lớp 1 cho Toyota



Đối với Daewoo Bus Việt Nam (Vidabus), DN này mới bắt đầu sản xuất tại Vĩnh Phúc vào năm 2007. Do đó, sản lượng xe dự kiến năm 2021 chỉ khoảng 600 xe, song đã cao hơn đáng kể so với mức 250 xe năm 2020. Với mức tăng trưởng dự kiến, Vidabus đặt mục tiêu nâng cao năng lực lên 1.600 xe vào năm 2024.

Tỷ lệ nội địa hóa của Vidabus hiện đạt khoảng 30%, chủ yếu ngay tại nhà máy của Vidabus. Với sản lượng nhỏ, các DN cung ứng chủ yếu tập trung ở một số sản phẩm như kính xe, ốc quy, tấm trải sàn, tấm ốp trần. Còn lại phần lớn các linh kiện chế tạo đều phải nhập khẩu.

Theo Hiệp hội CNHT Việt Nam (VASI), Vĩnh Phúc hiện có 16 DN nội địa đã tham gia vào chuỗi cung ứng của các ngành điện tử, ô tô, xe máy... của các DN FDI tại Việt Nam với vai trò là nhà cung ứng lớp 1. Số lượng này chiếm 5% trong hơn 300 DN toàn quốc là nhà cung cấp lớp 1 của các DN FDI, xếp thứ 4, chỉ sau Hà Nội, TP.HCM, Bắc Ninh. Đây được xem là nền tảng tốt để Vĩnh Phúc tiếp tục đẩy mạnh ngành CNHT đặc biệt là trong lĩnh vực ô tô trong thời gian tới.

Có được kết quả trên, theo nhiều chuyên gia, là do ngay từ những ngày đầu, Vĩnh Phúc đã triển khai nhiều hoạt động mời gọi đầu tư, thực hiện nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích và thu

hút các DN vào đầu tư vào CNHT, trong đó có lĩnh vực sản xuất cung cấp đầu vào cho ô tô.

Điển hình là Nghị quyết số 57/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 39/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hỗ trợ DN sản xuất sản phẩm CNHT thuộc danh mục ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí phát triển CNHT tỉnh Vĩnh Phúc.

Cơ cấu doanh nghiệp FDI Vĩnh Phúc trong lĩnh vực công nghiệp



Trong đó, với Quyết định 23/2019, tỉnh Vĩnh Phúc đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ cho DN tham gia phát triển CNHT. Cụ thể như hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực DN CNHT, hỗ trợ 70% các khoản phí tổ chức hội thảo xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực CNHT; tổ chức hội chợ triển lãm kết nối CNHT; hỗ trợ 70% chi phí đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT...

Với những giải pháp này, Vĩnh Phúc đặt mục tiêu đến năm 2025, ngành CNHT của tỉnh Vĩnh Phúc sẽ trở thành mắt xích cung cấp sản phẩm có hàm lượng giá trị cao trong dây chuyền sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh của các tập đoàn, DN lớn trong nước và quốc tế. Theo đó, Vĩnh Phúc sẽ từng bước nâng cao tỷ lệ DN nội địa tham gia vào chuỗi lắp ráp, sản xuất ô tô.

Với nền tảng sẵn có, thời gian tới, Vĩnh Phúc chủ trương đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực sản xuất ô tô đến đầu tư. Đặc biệt, Vĩnh Phúc đang tiếp xúc với các nhà sản xuất ô tô hàng đầu châu Âu cùng hợp tác đầu tư, đưa Vĩnh Phúc trở thành "hub" (trung tâm) sản xuất ô tô hàng đầu khu vực và thế giới. □

Hệ thống truy xuất nguồn gốc CertainT® giúp đảm bảo chuỗi cung ứng Polyester tái chế

Appplied DNA Sciences Inc.- Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất DNA dựa trên Phản ứng chuỗi Polymerase (PCR) và các công nghệ dựa trên nền tảng Axit Nucleic đã công bố việc ký kết một Thỏa thuận hợp tác chung với Công ty Ganesha Ecosphere Ltd. - nhà sản xuất sợi polyester tái chế (rPET) lớn nhất Ấn Độ với hơn 300 khách hàng, hơn 250 nhà cung cấp và hơn 500 sản phẩm các loại.

Theo đó, Ganesha Ecosphere Ltd. sẽ triển khai nền tảng CertainT® - một hệ thống truy xuất nguồn gốc của Applied DNA Sciences Inc. để thực hiện truy xuất lô sản xuất thử nghiệm polyester tái chế (rPET) tại các cơ sở sản xuất của Ganesha Ecosphere Ltd. tại Ấn Độ, cũng như tiến hành thử nghiệm các mẫu xác nhận tại các phòng thí nghiệm của Applied DNA Sciences Inc. tại Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Kết quả của sự hợp tác giữa 2 công ty sẽ đem đến cho các nhãn hàng và các nhà sản xuất dệt may một giải pháp đáng tin cậy trong tiến trình đạt mục tiêu sử dụng rPET bền vững cũng như khẳng định tính đích thực của nguyên liệu thô ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị dệt may.

Thỏa thuận này cho phép Ganesha Ecosphere Ltd. giới thiệu và áp dụng sản phẩm rPET đã được xác nhận CertainT® để cung cấp cho các khách hàng dệt may. Ganesha Ecosp here Ltd. cũng sẽ ứng dụng hệ thống truy xuất mới được Applied DNA Inc giới thiệu mang tên SigNature® T-100, đây là hệ thống cho phép truy xuất nguồn gốc và định lượng rPET trong hỗn hợp trên nền tảng CertainT.

SigNature T-100 là hệ thống truy xuất trên nền tảng phân tử độc quyền được sử dụng để xác định, phân tích và xác minh rPET, polypropylene, acrylic, và tiềm năng cả các nguyên liệu nhân tạo khác trong quá trình nhận dạng và định lượng nguyên liệu thô được sử dụng thường xuyên trong các sản phẩm dệt.

Hiện nay, khả năng truy xuất giúp gia tăng tính đích thực và uy tín cho toàn bộ chuỗi cung ứng dệt may và đang dần trở thành một phần không thể thiếu của quá trình tái chế. Với Tập đoàn

Applied DNA và nền tảng CertainT, khách hàng của Ganesha Ecosphere Ltd có thể tin tưởng vào loại sợi tổng hợp có nguồn gốc rõ ràng cũng như xác minh được tính bền vững liên quan đến sản phẩm.

Kể từ khi tham gia vào lĩnh vực rPET năm 1994, dưới sự lãnh đạo và tầm nhìn của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngài Shyam Sunder Sharmma, Ganesha Ecosphere Ltd đã đi tiên phong trong lĩnh vực sản xuất sợi và sợi rPET từ chai PET tái chế.

Hiện Ganesha Ecosphere Ltd là nhà sản xuất sợi rPET, sợi spun và sợi nhuộm lớn nhất Ấn Độ với công suất 118.800 tấn/năm. Các sản phẩm rPET do Ganesha Ecosphere Ltd sản xuất là một thành phần quan trọng trong sản xuất hàng dệt may, bao gồm T-shirts, trang phục mùa đông cũng như các sản phẩm dệt chức năng như vải không dệt làm màng lọc không khí, vải địa kỹ thuật- geo textiles, thảm, vải bọc nội thất xe hơi, ruột gối, chăn và đồ chơi.

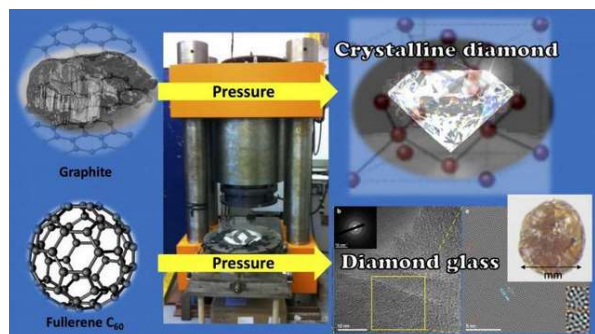
CertainT mang đến cho các nhãn hàng và các nhà sản xuất một lợi thế chiến lược đích thực mang tính bền vững, nguồn gốc rõ ràng và đáng tin cậy. Đội ngũ chuyên gia về PET tái chế và sản phẩm polymer khác ở Ấn Độ và Châu Á luôn hỗ trợ đắc lực và tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường cũng như đẩy mạnh tích hợp nền tảng CertainT vào chuỗi cung ứng của khách hàng ▣

Chế tạo thành công vật liệu thủy tinh kim cương có tiềm năng lớn trong sản xuất đồ điện tử

Các nhà nghiên cứu công tác tại Viện khoa học Carnegie vừa phát triển thành công thủy tinh kim cương siêu cứng, chế tạo từ một cấu trúc nguyên tử carbon. Vật liệu mới có khả năng dẫn nhiệt tốt, và có thể ứng dụng được trong sản xuất đồ điện tử.

Carbon là vật chất linh hoạt, có thể tạo thành nhiều cấu trúc thông qua các sắp xếp nguyên tử khác nhau; carbon vừa có thể tạo nên than chì (graphite), vừa là thành phần của kim cương hay thậm chí, làm nên cả siêu vật chất graphene. Mẫu hình lặp lại của kim cương có thể tạo nên kiến trúc nhiều chiều, mang lại khả năng cứng

cáp của vật chất. Tuy vậy, có một số cấu trúc carbon khó chế tạo hơn những dạng khác, đơn cử như thủy tinh kim cương.



Quá trình chế tạo tinh thể kim cương (ép than chì - graphite) và quá trình chế tạo thủy tinh kim cương (ép fullerene)

Việc tổng hợp vật liệu carbon vô định hình với các liên kết ba chiều là mục tiêu được giới khoa học đặt ra từ lâu. Chủ yếu là phải tìm được vật liệu ban đầu hợp lý, để nó có thể biến hình đúng yêu cầu khi xuất hiện áp lực.

Khi tăng áp lực lên graphite, chúng ta sẽ khiến nó cứng lại thành tinh thể, và tạo thành kim cương. Tuy nhiên, việc sử dụng kim cương làm thủy tinh kim cương không đơn giản vậy. Nhiệt độ nóng chảy của kim cương là 4.227 độ C, quá cao để ứng dụng vật liệu một cách linh hoạt. Nhóm nghiên cứu cần một cấu trúc carbon hỗn loạn hơn để dễ bề điều chỉnh.

Nhóm xác định sẽ sử dụng cấu trúc gồm 60 phân tử carbon xếp thành dạng một quả bóng đá rỗng, được đặt tên “fullerene” để thực hiện thí nghiệm. Nhóm làm nóng “quả bóng” để hình dáng của nó trở nên mất trật tự, rồi sử dụng máy ép đưa áp lực lớn vào cấu trúc. Kết quả, họ tạo ra một loại thủy tinh cứng như kim cương, với quá trình sản xuất sẽ cho ra hàng loạt những tinh thể kim cương có kích cỡ vài milimet.

Quan sát kỹ cấu trúc, nhóm nghiên cứu thấy loại thủy tinh mới có độ cứng khoảng 102 GigaPascal (GPa), cao hơn kim cương tự nhiên nhưng vẫn chưa bằng AM-III, một loại thủy tinh nhân tạo gốc Hoa với độ cứng chạm ngưỡng 113 GPa.

Nhóm nghiên cứu đồng thời khẳng định thủy tinh siêu cứng có khả năng dẫn nhiệt tốt hơn bất cứ vật liệu vô định hình nào. Quan trọng hơn, các nhà khoa học có thể tổng hợp chúng

trong môi trường nhiệt độ từ 900-1.000 độ C, mức nhiệt mà các dây chuyền công nghiệp có thể đạt được.

Việc tạo thành thủy tinh với các đặc tính siêu việt sẽ mở ra cánh cửa mới cho các ứng dụng tương lai. Nhà nghiên cứu cho rằng các dây chuyền sản xuất thủy tinh kim cương siêu cứng sẽ sớm đạt quy mô lớn ▣

Phương pháp mới tái sử dụng hiệu quả pin ô tô điện

Công ty Sumitomo Metal Mining (Nhật Bản) đã phát hiện ra một phương pháp mới để tái sử dụng hiệu quả phần lớn các thành phần từ pin ô tô điện đã bỏ đi.

Khi xe điện đang ngày càng được sử dụng phổ biến, hàng nghìn viên pin lithium-ion cung cấp năng lượng có nguy cơ bị loại bỏ. Bên cạnh công nghệ và cơ sở hạ tầng, khó khăn chủ yếu trong quá trình chuyển đổi ngành công nghiệp ô tô từ sử dụng động cơ đốt trong sang chạy hoàn toàn bằng điện là tái chế pin. Tuy nhiên, đó chưa phải là một thực tiễn phổ biến được thiết lập tốt do những hạn chế về kỹ thuật, các rào cản kinh tế, thách thức về hậu cần và các lỗ hổng quy định.

Do đó, việc tái chế các bộ pin lithium-ion để thu hồi các kim loại có thể sử dụng có giá trị vô cùng to lớn đối với chuỗi cung ứng. Hiện nay, pin xe ô tô điện có phần lớn vật liệu là niken, một nguồn tài nguyên hóa thạch tương tự như dầu mỏ hay than đá, nghĩa là có thể bị cạn kiệt và khai thác quá nhiều sẽ gây hại cho môi trường.

Theo báo cáo từ Viện Tương lai bền vững (ISF) tại Sydney (Australia), tiềm năng tái chế của những loại pin này rất lớn. Nó có thể giúp giảm nhu cầu các nguyên liệu để sản xuất pin trên thế giới vào năm 2040; Cụ thể đối với lithium là 25%, coban, niken là 35% và đồng là 55%.

Sumitomo Metal đã phát triển một quy trình để chiết xuất đồng, niken, coban và lithium với giá rẻ từ pin EV bằng cách nghiền chúng, nung bột thu được đến nhiệt độ thích hợp và kiểm soát mức oxy. Theo công ty, phương pháp này là phương pháp đầu tiên trên thế giới.

Hiện tại, công ty có kế hoạch cung cấp khối lượng nhỏ pin nghiền và sử dụng nguyên liệu

Tình trạng thiếu chip sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đến sản xuất điện thoại của Samsung cho đến năm 2022

Samsung lo ngại nguồn cung chip AP và RF sẽ tiếp tục thắt chặt đến năm 2022. Vấn đề này đã được Samsung Mobile thảo luận trong cuộc họp vào đầu tháng 11 với các giám đốc và giám đốc điều hành cấp cao từ hơn 30 nhà cung cấp linh kiện điện thoại thông minh lớn của hãng. Cuộc họp được tổ chức để thảo luận về kế hoạch kinh doanh của công ty cho năm 2022. Tại cuộc họp, các giám đốc điều hành đã đánh giá chiến lược kinh doanh điện thoại thông minh của Samsung dựa trên tình hình kinh tế toàn cầu và xu hướng của ngành dự kiến trong năm tới.

Hiện tình trạng thiếu chip là một trong những chương trình chính đang được bàn luận tại cuộc họp. Năm nay, hoạt động sản xuất điện thoại thông minh của Samsung đã bị ảnh hưởng

bởi sự thiếu hụt bộ xử lý ứng dụng (AP). Công ty không thể sản xuất số lượng lớn điện thoại thông minh như dự kiến với nguyên nhân chính do sự thiếu hụt.

Theo bộ phận kinh doanh của Samsung Mobile dự kiến tình trạng này sẽ tiếp tục vào năm 2022. Nguồn cung cấp chip AP và RF sẽ bị thắt chặt vào nửa cuối năm sau. Do đó, đảm bảo ổn định chip sẽ là điểm mấu chốt để công ty hoàn thành mục tiêu kinh doanh trong năm.

Samsung Mobile cũng tin rằng sự thiếu hụt năng lực sản xuất của các công ty đúc chip - các công ty ký hợp đồng sản xuất chip do khách hàng của họ thiết kế - vẫn sẽ tiếp tục. Trên thực tế thì các công ty không có kinh nghiệm trong thiết kế chip sẽ không sản xuất chủng loại này, chẳng hạn như Qualcomm - trước tiên công ty sẽ chỉ tập trung vào việc cung cấp các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.

Samsung Mobile sẽ lên kế hoạch tìm kiếm các

▶ thu hồi để sản xuất catốt nội bộ, đồng thời tuyên bố đang trên đà khai thác các nguyên liệu có chất lượng tương đương với các chất thay thế được khai thác với chi phí hợp lý và khối lượng thương mại.

Bên cạnh đó, Sumitomo Metal Mining kỳ vọng sẽ mở thêm một nhà máy tái chế ở Nhật Bản vào năm 2023, nơi có thể xử lý 7.000 tấn pin nghiền mỗi năm, đủ để chiết xuất 200 tấn coban từ pin có cực âm niken-mangan-coban. Số tiền đó đủ cho 20.000 pin EV. Và khi nhu cầu trên toàn thế giới đối với một số kim loại quý tăng lên, sự phát triển này có thể giúp ích cho việc cung cấp các nguồn tài nguyên này trong nước của Nhật Bản.

Trên thực tế, khi thế giới chuyển sang hướng công nghệ xanh hơn, nhu cầu sử dụng nhiều vật liệu tái chế hơn trong pin ô tô điện ngày càng tăng. Bởi pin EV thường mất khoảng 30% công suất và cần được thay thế sau một thập kỷ. Ví dụ, Liên minh châu Âu đã đề xuất một luật vào năm ngoái yêu cầu pin EV phải chứa tối thiểu 12% coban tái chế và 4% lithium và niken tái chế vào năm 2030. Và với việc áp dụng các phương pháp như vậy, phương pháp này không những góp phần giảm ô nhiễm môi trường do khai thác

kim loại hiếm, mà còn làm giảm chi phí của xe điện, do đó dẫn đến việc sử dụng năng lượng điện rộng rãi hơn.

Bộ Kinh tế Nhật Bản đã đặt mục tiêu tới giữa năm 2030, toàn bộ xe mới bán ra trên thị trường đều phải là xe hybrid hoặc xe điện thuần túy, dần loại bỏ toàn bộ xe sử dụng động cơ đốt trong ra khỏi thị trường xe mới. Tuy nhiên mục tiêu này khá khó khăn với Nhật Bản vì hiện tại xe hybrid và xe điện chỉ chiếm khoảng 29% trong tổng số 5,2 triệu phương tiện đăng ký mới, theo số liệu của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản (JAMA). Năm 2020, lượng xe điện và hybrid đăng ký đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Với kế hoạch này, Nhật Bản sẽ góp tên mình vào danh sách nhiều quốc gia khác đang tìm cách giảm khí thải carbon qua việc hạn chế phương tiện chạy bằng xăng trong thập kỷ tới.

Trước đó, tại Mỹ, một trong những người sáng lập Tesla đã huy động được 500 triệu USD vào tháng 7 để mở rộng nhà máy tái chế Redwood. Ngoài ra, tại miền Bắc Thụy Điển, một công ty khởi nghiệp Northolt dự kiến sẽ đưa vào hoạt động một nhà máy vào năm 2022 có khả năng tái chế 25.000 tấn pin mỗi năm ■

hợp đồng hàng năm để đảm bảo năng lực sản xuất từ các xưởng đúc trước đó nhằm giảm thiểu tác động của việc thiếu nguyên liệu. Bên cạnh đó, bộ phận kinh doanh cũng sẽ dự trữ lượng chip dự trữ có giá trị lên tới 4 tuần, thay vì 2 tuần như hiện tại ■

Sự thiếu hụt chất bán dẫn ô tô dự kiến sẽ tiếp tục cho đến năm 2023

Theo Viện Công nghệ Ô tô Hàn Quốc, tình trạng thiếu chất bán dẫn ô tô trên toàn cầu bắt đầu vào khoảng cuối năm 2020 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến ngành công nghiệp ô tô toàn cầu trong nửa đầu năm 2022. Ngay cả sau năm 2023, một số công ty vẫn có thể ảnh hưởng bởi tình trạng thiếu nguyên liệu này.

Trong năm nay, sự thiếu hụt chip dự kiến sẽ khiến khoảng 10,1 triệu xe bị mất sản xuất, nhóm nghiên cứu cho biết. Do đó, chính phủ Hàn Quốc và các công ty ô tô của nước này đã đưa ra một biện pháp phòng vệ tốt, khuyến khích sự hợp tác tích cực hơn từ các lĩnh vực khác nhau.

Tính đến tháng 10, các nhà sản xuất ô tô lớn trên toàn cầu như Volkswagen, Stellantis, GM Motors và Honda thống kê cho thấy sản lượng sản xuất lũy kế của họ giảm khoảng 30% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhưng Hyundai Motor và Kia, hai hãng ô tô hàng đầu của Hàn Quốc, đều thuộc Tập đoàn Hyundai Motor, chỉ sản xuất ít hơn 14% số xe trong 9 tháng đầu năm nay so với năm 2019. Với khối lượng sản xuất tăng 7,1% trong năm nay so với một năm trước đó, Hyundai Motor và Kia kết hợp sẽ xếp thứ 3 về khối lượng sản xuất, sau Toyota và Volkswagen.

Theo trích dẫn dữ liệu từ IHS Mark, nhu cầu về chất bán dẫn ô tô dự kiến sẽ tăng từ 132,5 tỷ chip vào năm 2021 lên 209,3 tỷ vào năm 2027, cho thấy tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 8%.

Xét về doanh số, con số đó lên tới 49,7 tỷ USD vào năm 2021 và 89,2 tỷ USD vào năm 2027, với mức tăng trưởng trung bình hàng năm là 10,2%.

Trong bối cảnh đó, các nhà sản xuất xe và công ty phụ tùng ô tô nên đặt ra kế hoạch dài hạn để

chuẩn bị cho ngành công nghiệp ô tô trong nước trước tình trạng thiếu hụt kéo dài. Các công ty chip cũng nên tập trung vào tiềm năng thị trường dài hạn hơn là lợi nhuận ngắn hạn, và nên có kế hoạch hợp tác với các nhà sản xuất ô tô về đầu tư và phát triển công nghệ ■

Samsung đầu tư nhà máy chip 17 tỷ USD tại Texas (Mỹ)

Công ty Samsung Hàn Quốc đã quyết định xây nhà máy chip mới tại bang Texas (Mỹ) nhằm đối đầu TSMC và Intel. Trước đó, Công ty Hàn Quốc đã đầu tư 17 tỷ USD cho nhà máy chip tại Austin với hơn 3.000 nhân công. Theo hồ sơ nộp lên chính quyền thành phố Taylor, Samsung có kế hoạch đầu tư 17 tỷ USD, tạo khoảng 1.800 việc làm trong 10 năm đầu vận hành nhà máy.

Nhà máy mới của Samsung còn nằm trong kế hoạch thu hẹp khoảng cách với hãng chip TSMC của Đài Loan. Bộ ba Samsung, TSMC và Intel đang đẩy mạnh đầu tư để đáp ứng nhu cầu tăng sau đại dịch, đòi hỏi lượng lớn chip dành cho xe hơi, smartphone, thiết bị nhà thông minh...

TSMC, đối thủ trực tiếp của Samsung cũng có kế hoạch xây nhà máy chip tại Texas, trị giá 12 tỷ USD vào năm 2024 ở thành phố Arizona. Công ty Hàn Quốc đang muốn bắt kịp TSMC trong lĩnh vực đúc bán dẫn (foundry), thị trường tiềm năng để sản xuất chip cho các tập đoàn lớn.

Với cơ sở mới, Samsung đặt kỳ vọng sản xuất chip 3 nm số lượng lớn bằng công nghệ Gate All Around vào năm 2022. Intel cũng muốn lấy lại ngôi đầu vào năm 2025 với các dự án nhà máy tại Mỹ.

Trang Bloomberg nhận định, đây còn là chiến thắng của chính quyền Tổng thống Joe Biden để đẩy mạnh phát triển, sản xuất chip tại Mỹ, ngăn chặn sự nổi dậy của Trung Quốc. Đại dịch Covid-19 góp phần khiến khủng hoảng chip kéo dài, gây ra khoản lỗ hàng tỷ USD cho nhiều DN.

Vào tháng 6/2021, Tổng thống Mỹ đã đề xuất chi 52 tỷ USD nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, sản

... xem tiếp trang 28

1. DN Croatia cần nhập khẩu lốp xe

Công ty tại Varaždin, Croatia có nhu cầu nhập khẩu lốp xe (New Pneumatic Tyres Of Rubber).

Giá: Thương lượng

Điều khoản thanh toán: Thảo luận với nhà cung cấp

Số lượng yêu cầu: 1 container 40 feet

Điều khoản vận chuyển: CIF

Tìm kiếm nhà cung cấp từ: Trên toàn thế giới

Mô tả sản phẩm: Vui lòng báo giá cho yêu cầu sản phẩm bán buôn sau:

- Tên sản phẩm: Lốp cao su khí nén mới

- Thông số kỹ thuật:

- + Được sử dụng trong xây dựng, khai thác mỏ, xe & máy kéo công nghiệp, nông nghiệp hoặc lâm nghiệp

- + Thương hiệu: Bridgestone, MRF, Michelin

- + Màu đen

- Điều khoản đóng gói: Tiêu chuẩn

DN Việt Nam quan tâm, kính đề nghị tham khảo đường links: <https://www.go4worldbusiness.com/buylead/view/876146/wanted-:-new-pneumatic-tyres-of-rubber.html> để biết thêm chi tiết.

2. Khách hàng tại Tunisia tìm nhà cung cấp vải, sợi

Khách hàng tại Tunisia tìm nhà cung cấp vải và sợi. DN Việt Nam quan tâm có thể liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Algeria theo địa chỉ email: dz@moit.gov.vn để biết thêm chi tiết.

3. DN Australia cần tìm DN Việt Nam sản xuất và xuất khẩu lụa tơ tằm chất lượng cao

Các DN Việt Nam quan tâm xin liên hệ:

Mr. Michelle Garrett

Afor - First in Fashion

Tel: +61 8 8953 7952

Mobile: +61 408 811 435

Email: michelle@afor.com.au

Tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các tỉnh, thành phố

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 11/2021	Tháng 10/2021	Tháng 11/2020
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	597.779	541.078	695.937
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	306.623	296.623	388.974
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	25.500	20.550	19.250
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	15.054.754	14.865.809	13.992.941
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	313.031	281.311	502.623
	Bình Dương	Triệu đồng	304.177	290.079	332.918
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	TP. Hà Nội	Cái	2.810.000	2.805.661	2.552.258
	Đồng Nai	Cái	480.000	463.852	853.911
	Hoà Bình	Cái	300.000	304.455	498.224
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Vĩnh Phúc	Chiếc	3.715	3.117	7.290
	TP. Hải Phòng	Chiếc	3.346	3.201	1.662
	Ninh Bình	Chiếc	2.001	3.516	3.711
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cối ...	Quảng Ninh	Tấn	27.000	26.830	25.886
	Tây Ninh	Tấn	18.865	18.146	17.006
	Thừa Thiên Huế	Tấn	6.621	6.886	7.279
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	5.236	5.227	5.568
	Đồng Nai	1000 m2	3.061	2.678	1.112
	Hà Nam	1000 m2	928	919	930
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	17.950	17.434	27.151
	Quảng Ninh	1000 m2	9.536	9.369	8.000
	Phú Thọ	1000 m2	4.620	4.511	5.242
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	26.637	26.951	21.316
	Long An	1000 m2	10.158	9.358	21.359
	TP. Hồ Chí Minh	1000 m2	2.300	2.685	4.299

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê

► ... tiếp theo trang 26

xuất chip tại Mỹ trong 5 năm tới. Chính quyền của ông Biden cho rằng, đó là cách tốt nhất để cạnh tranh với Trung Quốc, giảm tác động do đứt gãy chuỗi cung ứng. Mỹ cũng không khuyến khích Intel theo đuổi kế hoạch mở nhà máy mới tại Thành Đô.

Trong tháng 10/2021, Mỹ đã thành lập “hệ thống báo cáo sớm” để phát hiện những tác động nghiêm trọng liên quan đến dịch bệnh. Chính phủ nước này yêu cầu các nhà sản xuất, khách hàng trong lĩnh vực bán dẫn làm khảo sát về tình trạng tồn kho, nhu cầu, hệ thống phân phối để xác định vấn đề tiềm ẩn.

Samsung không phải công ty duy nhất mở rộng hoạt động tại Texas. Các hãng Tesla, Oracle và Hewlett Packard Enterprise đã công bố kế hoạch chuyển trụ sở sang Texas. Chính quyền Texas được cho là miễn 90% thuế tài sản trong 10 năm đầu, 85% trong 10 năm tiếp theo để Samsung xây nhà máy mới.

Trong năm 2021, Samsung đã tăng cường các hoạt động đầu tư, trong đó gồm cam kết thúc đẩy nền kinh tế Hàn Quốc bằng cách chi 205 tỷ USD để đầu tư, tuyển dụng 40.000 nhân viên trong 3 năm tới ■